



2024

TUYỂN TẬP BÁO CÁO HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA

KHOA HỌC XÃ HỘI VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI

HÀ NỘI - 2024

NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI

Địa chỉ: Số 8 phố Tăng Bạt Hổ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

ĐT: 024.39423346 - 024.39424620 * Fax: 024.38224784

Website: www.nxbgtvt.vn * Email: nxbgtvt@fpt.vn

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN, NỘI DUNG:

GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP: Nguyễn Minh Nhật

BIÊN TẬP: Dương Hồng Hạnh

THIẾT KẾ : Phương Linh

In 80 cuốn khổ 20,5 x 29,5cm tại Công ty cổ phần In HD Nhân.

Địa chỉ: Số 1 - Ngõ 82-18 đường Kim Hoàng - Văn Canh - Hoài Đức - Hà Nội.

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4044-2024/CXBIPH/1-88/GTVT.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế - ISBN: 978-604-76-3027-1.

Quyết định xuất bản số: 73 NB/QĐ-XBGT ngày 29 tháng 10 năm 2024.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2024.

LỜI NÓI ĐẦU

Phát triển bền vững là một xu thế tất yếu, là mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc và là Kế hoạch hành động quốc gia của Việt Nam trong giai đoạn tới. Việc phổ biến rộng rãi nhận thức về phát triển bền vững, cung cấp những luận cứ khoa học, chủ trương, chính sách, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực, các kế hoạch và sự tham gia của toàn xã hội vào phát triển bền vững là đòi hỏi cấp thiết hiện nay. Trong bối cảnh này, Khoa học Xã hội có một vai trò tất yếu trong toàn bộ tiến trình phát triển bền vững. Ngoài các định hướng chuyên sâu, Khoa học Xã hội còn có sự phát triển mới mang tính liên ngành và ngày càng gắn bó mật thiết với các ngành khoa học khác để tạo ra cơ sở khoa học tổng hợp và đồng bộ cho việc xây dựng các chiến lược, kế hoạch và giải pháp phát triển bền vững. Nắm bắt xu thế đó, từ năm 2020 Trường Đại học Mở - Địa chất đã coi hoạt động nghiên cứu của Khoa học Xã hội gắn với phát triển bền vững thành nhiệm vụ thường xuyên, trong đó các hội thảo chuyên đề về chủ đề này đã được Nhà trường chủ trì tổ chức, thu hút được sự quan tâm của đông đảo các nhà chuyên môn và nhanh chóng trở thành một hội thảo khoa học cấp quốc gia với tiêu đề “Khoa học xã hội với phát triển bền vững”. Tiếp nối thành công của Hội thảo khoa học quốc gia “Khoa học xã hội với phát triển bền vững” năm 2022 (SSSD 2022), năm 2024, Trường Đại học Mở - Địa chất tiếp tục phối hợp với Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Giao thông Vận tải và Trường Đại học Thủy lợi cùng nhiều đơn vị tham gia khác tổ chức Hội thảo khoa học quốc gia **“Khoa học Xã hội với phát triển bền vững” lần thứ 2 (SSSD 2024)**.

Hội thảo nhằm tạo ra một môi trường bổ ích kết nối các nhà khoa học, các chuyên gia, giảng viên và sinh viên trong và ngoài nước nhằm tăng cường trao đổi tri thức về lý luận và thực tiễn, các kết quả nghiên cứu, nhận dạng xu thế và thách thức mới đối với nghiên cứu và đào tạo khoa học xã hội gắn với sự phát triển bền vững. Đây cũng là dịp để các nhà chuyên môn kết nối, hợp tác trong việc định hướng các chủ đề, đề xuất, xây dựng và triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học mới đáp ứng được các yêu cầu phát triển xã hội và hội nhập quốc tế.

Trong quá trình chuẩn bị Hội thảo, Ban Tổ chức đã nhận được sự hưởng ứng tích cực của các nhà khoa học và chuyên gia đến từ 26 cơ sở giáo dục trên toàn quốc. Hơn 80 dự thảo báo cáo toàn văn của hơn 90 tác giả đã được gửi đến, trong đó 66 báo cáo đã được Hội đồng biên tập lựa chọn để đăng tải trong Tuyển tập Báo cáo Hội thảo khoa học quốc gia **“Khoa học Xã hội với phát triển bền vững” (SSSD 2024)**. Để thuận lợi cho việc tham khảo và tra cứu, Tuyển tập Báo cáo này được tổ chức thành 4 phần, trong đó:

- Phần 1: Những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển bền vững
- Phần 2: Kinh tế, môi trường với phát triển bền vững
- Phần 3: Văn hóa, xã hội với phát triển bền vững
- Phần 4: Giáo dục, đào tạo với phát triển bền vững

Ban Tổ chức trân trọng cảm ơn các nhà khoa học, các chuyên gia và giảng viên đã quan tâm, gửi báo cáo và đăng ký tham gia Hội thảo. Trân trọng cảm ơn Ban Khoa học, Ban Biên tập và các nhà khoa học phản biện đã rất nỗ lực trong việc đọc, góp ý, lựa chọn và biên tập các báo cáo để nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu chuyên môn và góp phần vào thành công của Hội thảo này.

TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC

GS.TS. Trần Thanh Hải

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	5
PHẦN I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	15
1. QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA CÁC TRỤ CỘT TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ SỰ HÀI HÒA GIỮA CÁC TRỤ CỘT TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	
<i>Ngô Văn Hưởng.</i>	17
2. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆT NAM HIỆN NAY	
<i>Nguyễn Thế Tấn</i>	24
3. NHẬT BẢN VÀ TRUNG QUỐC TRÊN CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG: HƯỚNG ĐI CHO VIỆT NAM	
<i>Trịnh Huy Hồng, Phan Yến Trang</i>	35
4. CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM	
<i>Nguyễn Thị Thúy Hà</i>	48
5. BÀI HỌC KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI CHÍNH SÁCH BẢO VỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỦA VIỆT NAM THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỪ MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG XANH CỦA HÀN QUỐC	
<i>Nguyễn Thị Cẩm Tú</i>	56
6. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC: NHÌN TỪ GÓC ĐỘ QUY LUẬT MÂU THUẤN	
<i>Đặng Thị Minh Phương</i>	65
7. QUAN ĐIỂM CỦA PH. ĂNGGHEN VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI VIỆC HÌNH THÀNH TƯ DUY XANH TRONG PHÁT TRIỂN NGÀY NAY	
<i>Đào Thu Hiền</i>	75
8. VỀ SỰ LỰA CHỌN CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM	
<i>Đỗ Thị Vân Hà</i>	82

9. NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT VỀ VAI TRÒ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI ĐẢNG VÀ NHÂN DÂN

Trần Thị Phúc An 90

PHẦN II: KINH TẾ, MÔI TRƯỜNG VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 100

10. THỰC TRẠNG ÁP DỤNG ESG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Hoàng Thị Thủy 101

11. BẢO ĐẢM AN NINH LƯƠNG THỰC: NHỮNG THÁCH THỨC ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Trung Hiếu 109

12. BÀN VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TÂM LINH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Trần Thị Lan Hương 119

13. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH BIỂN Ở CÁC TỈNH VEN BIỂN MIỀN TRUNG CỦA VIỆT NAM

Dương Thị Tuyết Nhung 127

14. PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG GẮN VỚI BẢO TỒN, PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HOÁ VÙNG TÂY BẮC

Nguyễn Thị Thu Hương 136

15. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI TỈNH VĨNH PHÚC

Nguyễn Thị Kim Chung 145

16. BÀN VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

Trần Thị Lan Hương 153

17. XU HƯỚNG THAM GIA LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG CỦA NGƯỜI CAO TUỔI Ở VIỆT NAM

Phí Mạnh Phong. 161

18. THỰC TRẠNG NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Đỗ Đức Ánh; Lê Minh Thống; Nguyễn Thanh Thủy 168

NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT VỀ VAI TRÒ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI ĐẢNG VÀ NHÂN DÂN

*Trần Thị Phúc An**

Tóm tắt: Bài viết làm rõ những thành tựu nổi bật về vai trò quản lý của nhà nước trong mối quan hệ với Đảng và Nhân dân trong giai đoạn hiện nay như: thành tựu đạt được trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân; ban hành và thực thi nhiều chính sách xã hội nhằm bảo đảm lợi ích của nhân dân; xây dựng chiến lược phát triển kinh tế nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Từ khóa: Mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân; thành tựu; quản lý của Nhà nước.

1. MỞ ĐẦU

Sau gần 40 năm đổi mới, vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao; chính trị, xã hội ổn định; các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại được quan tâm và có sự chuyển biến tích cực; đời sống mọi mặt của người dân không ngừng được cải thiện; Chất lượng tăng trưởng kinh tế từng bước được tăng cường, hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào cho nền kinh tế được cải thiện đáng kể, tăng độ mở nền kinh tế và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn, khu vực tư nhân đóng góp ngày càng lớn trong thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước. Để đạt được những kết quả đó là do trong mọi hoạt động, Đảng và Nhà nước luôn phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, khơi dậy tinh thần và ý chí quyết tâm phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của Nhân dân; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc [2, tr.46].

2. NỘI DUNG

2.1. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân

Đảng và Nhà nước đã tạo điều kiện và môi trường để Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình bằng các chủ trương, chính sách, pháp luật cởi mở, thân thiện, dễ dàng trong việc thực hiện các quyền dân chủ cơ bản của công dân và coi đó là phương thức bảo đảm tính hiệu quả, thiết thực trong việc mở rộng dân chủ, đi đôi với giữ vững

* TS. Trường Đại học Mở - Địa chất.

kỷ cương, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa để Nhân dân thực sự là chủ nhân của đất nước. Chính vì thế, xuất phát từ nghĩa vụ quan trọng và cơ bản “định ra các đạo luật” xác định quyền con người và quyền công dân, quản lý xã hội theo pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, Nhà nước đã từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo đảm quyền con người, quyền làm chủ của nhân dân.

Để tăng cường đổi mới công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, ngày 24/5/2005, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 48-NQ/TW về “*Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*” (Nghị quyết số 48-NQ/TW). Nghị quyết là văn kiện đầu tiên của Đảng chuyên sâu về công tác pháp luật, với mục tiêu xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; đổi mới căn bản công tác xây dựng và thực hiện pháp luật; phát huy vai trò và hiệu lực của pháp luật để góp phần quản lý xã hội, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, thực hiện quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân, góp phần đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

Xét riêng trên lĩnh vực lập pháp, tính từ năm 1996 đến nay, hệ thống pháp luật Việt Nam liên tục được xây dựng và hoàn thiện tương đối đồng bộ, đáp ứng về cơ bản quyền con người, quyền làm chủ của nhân dân với hơn 100 văn bản luật, pháp lệnh. Trong đó, các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và thông tin; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; quyền bình đẳng của các dân tộc; quyền sống, được tôn trọng về nhân phẩm và bất khả xâm phạm về thân thể; quyền tự do đi lại và cư trú... của người dân được tôn trọng. Đồng thời, các bộ luật như: Luật Hình sự 2015, Bộ luật Dân sự 2015, Luật Trưng cầu ý dân 2015, Luật Trẻ em 2016, Luật Trợ giúp pháp lý 2017, Luật An ninh mạng 2018, Luật Lao động (sửa đổi năm 2019), Luật Đất đai 2024... với nhiều quy định mới đã bảo đảm tốt hơn quyền lợi của nhân dân. Theo thống kê trong những năm gần đây, trung bình mỗi năm Quốc Hội ban hành khoảng 10 luật, nghị quyết; Chính phủ ban hành khoảng 150 nghị định, các bộ, ngành ban hành từ 600 đến 800 thông tư, thông tư liên tịch. Như vậy, một năm có khoảng gần 1.000 văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương. Ngoài ra, còn có văn bản của chính quyền địa phương 3 cấp. Việc xây dựng các đạo luật theo nguyên tắc tôn trọng và bảo đảm quyền con người, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật được tiến hành công khai, minh bạch, dân chủ; cùng điều chỉnh các hành vi, các quan hệ, làm cho xã hội vận hành ổn định, tồn tại và phát triển. Trong quy trình xây dựng pháp luật, các dự thảo luật đều được công bố

rộng rãi, lấy ý kiến đóng góp của nhân dân và được chỉnh lý trên cơ sở các ý kiến đóng góp của nhân dân.

Đảng Cộng sản Việt Nam xác định, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân phải trở thành một nguyên tắc trong hoạch định chính sách, pháp luật của Nhà nước. Vì thế, ngay Lời nói đầu Hiến pháp 2013 đã khẳng định: “Nhân dân Việt Nam xây dựng, thi hành và bảo vệ Hiến pháp này vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” đã thể hiện rõ trách nhiệm của nhân dân trong việc xây dựng, thi hành và bảo vệ Hiến pháp. Điều 2 Hiến pháp năm 2013 quy định: “1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. 2. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức”[1, tr.180] đã thể hiện nhất quán quan điểm của Đảng và Nhà nước về đề cao quyền làm chủ của nhân dân trong Hiến pháp là nhà nước của dân, do dân và vì dân, đồng thời thể hiện đất nước Việt Nam là do chính nhân dân làm chủ, nhân dân là chủ thể quan trọng trong xây dựng và bảo vệ đất nước. Lần đầu tiên Hiến pháp năm 2013 từ Nhân dân được viết hoa, đây không phải đơn thuần là cách thể hiện từ ngữ mà là diễn đạt ý nghĩa của một chủ thể quan trọng của đất nước.

Hiến pháp năm 2013 cũng đã tái khẳng định quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của công dân và bổ sung: “Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân” (Điều 28). Việc bổ sung này đã ràng buộc nghĩa vụ của các cơ quan nhà nước trong bảo đảm quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của người dân nói chung, tham gia bảo vệ an ninh, trật tự nói riêng; qua đó, bảo đảm để quyền này của người dân được thực hiện trong thực tế. Đồng thời điều 6 quy định Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước không những bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng Nhân dân và các cơ quan khác của nhà nước mà còn bằng dân chủ trực tiếp thông qua việc thực hiện quyền biểu quyết khi nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân, trong đó có trưng cầu ý dân về Hiến pháp (Điều 29 và Điều 120). Có như vậy, nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mới bảo đảm thực hiện đầy đủ, không hình thức. Bên cạnh đó, Hiến pháp năm 2013 cũng xác định: “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp”. Việc bổ sung nội dung “kiểm soát quyền lực nhà nước” trong nguyên tắc tổ chức, vận hành của nhà nước là một bước đột phá trong bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, đặt quyền lực nhà nước trong giới hạn mà nhân dân ủy quyền, kiểm soát nhằm hạn chế lạm quyền, lạm quyền.

Có thể khẳng định, với sự nỗ lực của Đảng và Nhà nước, hệ thống pháp luật của

Việt Nam về quyền con người, quyền làm chủ của nhân dân ngày càng được hoàn thiện, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển của đất nước; tạo cơ sở pháp lý quan trọng để mọi người có cơ hội và điều kiện thuận lợi thụ hưởng những quyền lợi cơ bản của con người.

2.2. Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

So với thời kỳ trước đổi mới, diện mạo đất nước có nhiều thay đổi, kinh tế vẫn duy trì được động lực tăng trưởng và Việt Nam luôn được nhiều tổ chức kinh tế, tài chính-tiền tệ và xếp hạng quốc tế đưa vào nhóm các nước có tốc độ tăng trưởng cao nhất khu vực và toàn cầu. Giai đoạn 2011-2015 tăng trưởng bình quân đạt 5,9%/năm; giai đoạn 2016-2019 đạt 6,8%/năm. GDP bình quân đầu người tăng từ 1.331 USD năm 2010 lên 3.521 USD năm 2020. Không chỉ số lượng, chất lượng tăng trưởng được cải thiện, năng suất lao động được nâng lên rõ rệt. Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đạt khoảng 39%, vượt mục tiêu Chiến lược đề ra (35%); năng suất lao động giai đoạn 2016-2020 tăng bình quân 5,8%/năm. Kinh tế vĩ mô ổn định vững chắc hơn; chỉ số giá tiêu dùng (CPI) giảm từ 18,6% năm 2011 xuống còn dưới 4% trong giai đoạn 2016-2020. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng bình quân 10,6%/năm; đã thu hút được nhiều dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài quy mô lớn, công nghệ cao.

Mới đây, Tạp chí The Economist tháng 8/2020 đã xếp Việt Nam trong top 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất thế giới. Năm 2020 và những tháng đầu năm 2021, trong bối cảnh đại dịch COVID-19 và tình hình thiên tai, bão lụt tại các địa phương gây thiệt hại nặng nề về kinh tế - xã hội, nhưng với sự nỗ lực, cố gắng vượt bậc, Việt Nam đạt được những thành tựu ấn tượng. “Trong khi thế giới suy thoái, tăng trưởng âm gần 4%, kinh tế nước ta vẫn đạt mức tăng trưởng 2,91%, là một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới” [2, tr.23]. Trang Liberationnews.org (Mỹ) [4] kết luận: Thành công của Việt Nam trong phòng, chống dịch COVID-19 “không đơn giản là một phép màu”, mà đó là “kết quả của một chính phủ xã hội chủ nghĩa đặt người dân lên trên lợi ích kinh tế”.

Hệ số tín nhiệm quốc gia và vị thế quốc tế luôn được cải thiện. Các cân đối và chỉ số tài chính - tiền tệ vĩ mô vẫn cơ bản ổn định; Cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu được triển khai đồng bộ, hiệu quả hơn, bảo đảm ổn định, an toàn trong toàn hệ thống; Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước được đẩy mạnh, thực chất hơn; tập trung vào cổ phần hóa, thoái vốn và nâng cao hiệu quả hoạt động. Tỷ trọng khu vực nông nghiệp trong GDP giảm từ 18,9% năm 2010 còn 14,8% năm 2020. Tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, hiện đại, giá trị gia tăng cao và bền vững; phát triển liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và xây dựng được thương

hiệu của một số nông sản chủ lực. Nhiều nhà máy chế biến nông sản, thực phẩm với công nghệ hiện đại được đưa vào hoạt động.

Các đột phá chiến lược được tập trung chỉ đạo thực hiện và đạt nhiều kết quả, đóng góp quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được hoàn thiện theo hướng hiện đại, đồng bộ và hội nhập, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch, thuận lợi. Đã hình thành hệ thống chính sách, pháp luật về kinh tế khá đầy đủ, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch, tạo cơ sở pháp lý cho các doanh nghiệp thuộc mọi hình thức sở hữu hoạt động. Chính phủ ban hành Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 về Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Ngày 13/7/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1163/QĐ-TTg Phê duyệt Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Chiến lược). Tiếp theo đó, ngày 31/3/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 411/QĐ-TTg Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Chiến lược chỉ rõ “Phát triển kinh tế số giúp người dân giàu có hơn, góp phần đưa Việt Nam vượt qua mức thu nhập trung bình thấp vào năm 2025, đạt mức thu nhập trung bình vào năm 2030 và đạt mức thu nhập cao vào năm 2045”.

Khoa học và công nghệ được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực; hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển mạnh; chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Việt Nam không ngừng được cải thiện, năm 2020 ở vị trí 42/131 quốc gia và vùng lãnh thổ, đứng đầu nhóm 29 quốc gia, nền kinh tế có thu nhập trung bình thấp. Năng lực hệ thống kết cấu hạ tầng về giao thông, năng lượng, công nghệ thông tin, viễn thông, thủy lợi, đô thị, thương mại... được nâng lên đáng kể. Nhiều công trình, dự án quan trọng có sức lan tỏa cao, mang tầm chiến lược về giao thông, năng lượng được đầu tư, hoàn thành, đưa vào khai thác và sử dụng.

2.3. Ban hành và thực thi nhiều chính sách xã hội nhằm bảo đảm lợi ích của nhân dân

Quan điểm nhân dân là trung tâm, là chủ thể trong chiến lược phát triển đã làm rõ hơn về chủ thể thụ hưởng quyền con người đó chính là nhân dân. Theo đó, trong các chương trình, chính sách phát triển của Đảng đều phải hướng trọng tâm vào con người - nhân dân; lấy quyền và lợi ích chính đáng của con người là cơ sở xây dựng và hoạch định chính sách phát triển quốc gia; lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu cao nhất trong hoạt động của cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ: “Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công

cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; thắt chặt mối liên hệ mật thiết với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu” [2, tr.27-28]. Cụ thể hóa những chủ trương của Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách xã hội để bảo đảm quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, góp phần tạo động lực to lớn trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Một là, đẩy mạnh việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Chính phủ và Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, những năm qua, Việt Nam thường xuyên chú trọng chính sách giảm nghèo đa chiều và khắc phục nguy cơ tái nghèo, nhất là đối với các huyện, xã nghèo, ở khu vực biên giới, biển, đảo có nhiều khó khăn; thu hẹp chênh lệch về mức sống và an sinh xã hội so với bình quân cả nước. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh “tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững”, đồng thời đặt mục tiêu “Tỉ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1-1,5% hằng năm”. Để đẩy mạnh công tác giảm nghèo, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030. Quốc hội Việt Nam đã thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021-2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 với nhiều chính sách, biện pháp toàn diện. Đến nay, Đảng, Nhà nước Việt Nam đã ban hành 118 chính sách liên quan đến việc xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế-xã hội, cải thiện đời sống và bảo đảm an sinh cho đồng bào các dân tộc thiểu số. Quốc hội và Chính phủ Việt Nam đã thông qua, phê duyệt 03 Chương trình mục tiêu quốc gia: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 với nhiều chính sách, biện pháp toàn diện để thực hiện mục tiêu của từng Chương trình. Ngoài ra, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành một số quyết định quan trọng như: Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; Quyết định 112/QĐ-TTg ngày 22/01/2021 ban hành chương trình phát triển công tác xã hội giai đoạn 2021-2030. Đây là các nguồn lực rất quan trọng để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Hai là, các chính sách về lao động và việc làm của Nhà nước đã chuyển biến theo hướng ngày càng phù hợp hơn với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Bộ luật Lao động ban hành năm 1994 được sửa đổi nhiều lần (2002, 2006, 2007, 2012 và 2019) đã tạo hành lang pháp lý cho việc hoàn thiện các tiêu chuẩn lao động, thiết lập quan hệ lao động giữa các chủ thể, điều chỉnh các quan hệ xã hội có liên quan đến quan hệ lao động, như: hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, tiền lương, bảo hiểm xã hội, thời gian làm việc, vệ sinh lao động, kỷ luật lao động, giải quyết tranh chấp lao động, đình công... Việc xây dựng, triển khai thực hiện Luật Việc làm 2013 và Chương trình việc làm đã góp phần định hướng nghề nghiệp, ổn định và phát triển thị trường lao động ở Việt Nam. Trong giai đoạn 2016-2020 đã giải quyết việc làm cho 8 triệu lao động. Số lao động có việc làm trong tổng số lực lượng lao động năm 2022 là 68,5%, tăng 0,8 điểm phần trăm so với năm 2021. Lực lượng lao động đã qua đào tạo từ trình độ “Sơ cấp” trở lên năm 2022 ước tính là 13,5 triệu người, chiếm 26,2%, tăng 0,1 điểm phần trăm so với năm trước; Lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm năm 2022 là 50,6 triệu người, tăng 1,5 triệu người so với năm 2021, tuy nhiên vẫn thấp hơn năm 2019 là 56,8 nghìn người. Trong đó, số lao động có việc làm ở khu vực thành thị là 18,6 triệu người (tăng 877,3 nghìn người so với năm trước), lao động ở khu vực nông thôn là 31,9 triệu người (tăng 627,2 nghìn người so với năm trước) [6].

Ba là, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân là một trong những nhiệm vụ quan trọng và là ưu tiên hàng đầu của Nhà nước. Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25-10-2017, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, “Về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới” (gọi tắt là Nghị quyết số 20-NQ/TW) đã khẳng định mục tiêu không ngừng phấn đấu nâng cao sức khỏe, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người Việt Nam; bảo đảm mọi người dân đều được bảo vệ, chăm sóc; được bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tham gia, hưởng thụ bảo hiểm y tế và các dịch vụ có liên quan. Với sự nỗ lực của toàn hệ thống chính trị và nòng cốt là ngành y tế, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đã đạt được những kết quả to lớn, góp phần quan trọng vào sự phát triển của đất nước. Hệ thống cơ sở y tế đã được hình thành trong cả nước; số bác sĩ, số giường bệnh trên một vạn dân tăng nhanh; hệ thống dịch vụ y tế ngày càng mở rộng và nâng cao chất lượng. Tỷ trọng nguồn chi tài chính công trong tổng chi y tế tăng từ 35% năm 1998 lên 49% năm 2017 và 47,1% năm 2020 [3]. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế tăng lên qua các năm, đến nay 92% dân số Việt Nam đã tham gia bảo hiểm y tế. Giá dịch vụ y tế được đổi mới theo hướng từng bước tính đúng, tính đủ các chi phí; đồng thời, triển khai tốt các giải pháp hỗ trợ cho nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, như mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, người cao tuổi; hỗ trợ người cận nghèo 70% mệnh giá thẻ bảo hiểm y tế; hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, hỗ trợ đồng chi trả bảo hiểm y tế cho người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số. Nhờ đó,

người nghèo ở Việt Nam có khả năng tiếp cận tốt đến các dịch vụ y tế, kể cả các dịch vụ kỹ thuật cao; góp phần bảo đảm công bằng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Bốn là, chính sách ưu đãi người có công được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm và ngày càng mở rộng đối tượng, mức thụ hưởng với chế độ ưu đãi toàn diện hơn. Ngày 29/8/1994, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa IX đã thông qua Pháp lệnh ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng (nay gọi là Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng). Từ đó đến nay, Pháp lệnh đã trải qua 07 lần sửa đổi vào các năm: 1998, 2000, 2002, 2005, 2007, 2012 và 2020. Năm 2021, để hướng dẫn triển khai thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; trong đó, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về ưu đãi người có công được nghiên cứu xây dựng chặt chẽ, khoa học, ban hành tương đối toàn diện và đầy đủ, kịp thời, đảm bảo chất lượng thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước và là cơ sở pháp lý cho việc triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công và thân nhân của họ, cơ bản đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

Cùng với bảo đảm chế độ trợ cấp ưu đãi thường xuyên, nhiều chính sách hỗ trợ khác cũng được ban hành và thực hiện, như: chính sách ưu đãi về nhà ở; chính sách ưu đãi trong giáo dục, đào tạo đối với con của người có công; chăm sóc sức khỏe; ưu tiên vay vốn từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm để phát triển sản xuất; hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh của thương, bệnh binh và người có công... tạo điều kiện cho con em họ có việc làm, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống.

Năm là, xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội toàn diện, đa dạng, ngày càng mở rộng, hiệu quả. Chính phủ Việt Nam luôn đẩy mạnh thực hiện các chính sách an sinh xã hội; mở rộng diện đối tượng hưởng trợ cấp xã hội; các chương trình, đề án, chính sách trợ giúp xã hội được tiếp tục thực hiện hiệu quả, nhất là chính sách hỗ trợ, chăm lo đời sống người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Hằng năm, Chính phủ đã hỗ trợ hàng chục vạn tấn gạo cho các địa phương để kịp thời hỗ trợ cho người nghèo và người bị ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lụt và huy động hàng nghìn tỷ đồng hỗ trợ người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội. Năm 2021, Chính phủ đã xuất cấp 143,84 nghìn tấn gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng của dịch COVID-19 ở 33 địa phương. Giai đoạn 2017 - 2022, hệ thống cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội, nhà xã hội đã mở rộng quy mô cung cấp dịch vụ. Đến năm 2022, cả nước đã thành lập được 425 cơ sở trợ giúp xã hội (195 cơ sở công lập và 230 cơ sở ngoài công lập) nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ trợ giúp xã hội của đối tượng cần trợ giúp xã hội.

Hệ thống bảo hiểm xã hội được quan tâm phát triển với nội dung và hình thức ngày càng phong phú, nhằm chia sẻ rủi ro và trợ giúp thiết thực cho những người tham gia. Bảo hiểm xã hội được triển khai đồng bộ với 3 loại hình là: bảo hiểm bắt buộc (bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế), bảo hiểm tự nguyện và bảo hiểm thất nghiệp. Ngày 23/05/2018 Ban chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW về “Cải cách chính sách bảo hiểm xã hội” đã đặt ra các mục tiêu nhằm cải cách chính sách bảo hiểm xã hội để bảo hiểm xã hội thực sự là một trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội, từng bước mở rộng vững chắc diện bao phủ bảo hiểm xã hội, hướng tới mục tiêu bảo hiểm xã hội toàn dân. Vì vậy, tính đến hết ngày 31/12/2022, số người tham gia bảo hiểm xã hội là 17,49 triệu người, chiếm 38% lực lượng lao động trong độ tuổi, trong đó (i) số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc là hơn 16,03 triệu người, chiếm gần 34,83% lực lượng lao động trong độ tuổi; (ii) số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện là khoảng 1,46 triệu người, chiếm gần 3,17% lực lượng lao động trong độ tuổi”. Đặc biệt, đã thực hiện chính sách bảo hiểm y tế miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi, một số đối tượng chính sách, người nghèo và hỗ trợ bảo hiểm y tế cho các hộ cận nghèo...

Các chính sách trợ giúp xã hội (thường xuyên và đột xuất) được thực hiện rộng hơn cả về quy mô và đối tượng thụ hưởng với mức trợ giúp ngày càng tăng. Kinh phí trợ giúp thường xuyên từ ngân sách nhà nước và số người được thụ hưởng tăng nhanh, từ 113 tỉ đồng cho hơn 180 nghìn người (năm 2001) tăng lên 4.500 tỉ đồng cho hơn 1,6 triệu người (năm 2010). Nhà nước xây dựng, ban hành và thực hiện nhiều chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, chăm sóc bà mẹ và trẻ em, hôn nhân và gia đình, chăm sóc người cao tuổi, phòng, chống tệ nạn xã hội, bạo lực gia đình; tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về dân tộc, tôn giáo; tăng cường đầu tư về kết cấu hạ tầng, giao thông, kinh phí cho miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; chú trọng bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các dân tộc và các tôn giáo trong công cuộc xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Những kết quả đạt được về chính sách xã hội trong thời gian qua thể hiện sự nỗ lực vượt bậc của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội, đã góp phần quan trọng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nhất là những người có công, gia đình chính sách. Đồng thời, phản ánh truyền thống nhân nghĩa, nhân văn của dân tộc và bản chất của chế độ. Đó là luôn lấy con người làm trung tâm, vì sự phát triển tự do và toàn diện của con người, phù hợp với điều kiện của đất nước trong công cuộc đổi mới, tạo sự đồng thuận trong xã hội, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc đưa đất nước ngày càng phát triển, tiến nhanh, tiến vững chắc trên con đường xã hội chủ nghĩa và ngày càng khẳng định vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế trong việc thực hiện, bảo vệ và chăm lo bảo vệ và phát triển con người. Bà Caitlin Wiesen, Trưởng đại

diện thường trú Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam khẳng định: “Việt Nam đã đạt được tăng trưởng đáng kể trong phát triển con người kể từ năm 1990 đến nay. Điều đó chứng tỏ Việt Nam đã có những bước tiến bộ trong thực hiện chính sách chăm lo phát triển con người toàn diện” [5].

3. KẾT LUẬN

Như vậy, dưới sự lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn của Đảng, sự quản lý hiệu quả của Nhà nước, sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ, các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương, Nhân dân Việt Nam đã chung sức, đồng lòng, nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra và đạt được nhiều thành tựu khá toàn diện trên tất cả các lĩnh vực nhằm đưa Việt Nam “sánh vai với các cường quốc năm châu”./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Báo Nhân dân (2014), *Hiến pháp năm 2013, sự kết tinh ý chí, trí tuệ toàn dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[3] Đào Hồng Lan (2023), Hoàn thiện thể chế, chính sách về chăm sóc sức khỏe, bảo đảm quyền tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho mọi người dân, *Tạp chí Cộng sản online*, ngày 9/7.

[4] Librationnews.org/Why-has-no-one-in-vietnam-died-fromcoronavirus, “Vietnam’s success so far is not simply a miracle. It is the result of a heavily planned economy with a socialist government that puts people over profits”.

[5] Bảo Như (2020), Hiện thực hóa quyền con người bằng những chính sách thiết thực, việc làm nhân văn, *Báo Quân đội nhân dân điện tử*, ngày 7/12.

[6] Đỗ Văn Tính (2023), Giải pháp ổn định thị trường lao động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, *Cổng thông tin điện tử Viện Chiến lược và Chính sách tài chính*.